

BIỂU PHÍ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ ÁP DỤNG CHO TẤT CẢ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG

(Hiệu lực từ ngày **10/02/2025**)

I. Thẻ ghi nợ nội địa

STT	LOẠI PHÍ	MỨC PHÍ
1	Phí phát hành thường (thẻ CHIP) (*)	70,000 VNĐ
	Phí phát hành nhanh	
	- Thẻ chính	100,000 VNĐ
	- Thẻ phụ	50,000 VNĐ
2	Phí thường niên	Miễn phí
3	Phí thay thẻ theo yêu cầu	50,000 VNĐ
	- Phí cấp lại thẻ nhanh	Áp dụng mục 1
4	Phí cấp lại số PIN/Epin	Miễn phí
5	Phí khiếu nại (nếu chủ thẻ sai)	50,000 VNĐ/giao dịch
6	Phí dịch vụ ATM	
	6.1. Phí giao dịch tại máy ATM	
	a. Trong hệ thống Eximbank	
	- Phí truy vấn số dư, in sao kê	Miễn phí
	- Phí rút tiền mặt	1,100 đồng/giao dịch.
	- Phí chuyển khoản	2,200 đồng/giao dịch
	b. Ngoài hệ thống Eximbank	
	- Phí truy vấn số dư, in sao kê	550 VNĐ/giao dịch
	- Phí rút tiền mặt	3,300 VNĐ/giao dịch
	- Phí chuyển khoản	0.011% x số tiền giao dịch, tối thiểu 1,650 đồng, tối đa 16,500 đồng
	6.2. Thanh toán hóa đơn dịch vụ	
	- Tài khoản đơn vị thụ hưởng cùng hệ thống Eximbank	Miễn phí
	- Tài khoản đơn vị thụ hưởng ngoài hệ thống Eximbank	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với khách hàng cá nhân – Giao dịch tài khoản đồng Việt Nam
7	Phí cấp bản sao chứng từ giao dịch	
	- Tại đại lý (ĐVCNT) của Eximbank	10,000 VNĐ/hóa đơn
	- Tại đại lý khác	50,000 VNĐ/hóa đơn

II. Thẻ ghi nợ quốc tế

STT	LOẠI PHÍ	MỨC PHÍ		
		Visa Platinum Debit	Mastercard Business Debit	Các thẻ còn lại
1	Phí phát hành thường	Miễn phí		
	Phí phát hành nhanh	Thẻ chính: 250,000 VNĐ	200,000 VNĐ	Thẻ chính: 200,000 VNĐ
		Thẻ phụ: 200,000 VNĐ		Thẻ phụ: 150,000 VNĐ
2	Phí thường niên	Thẻ chính Năm 1: Miễn phí. Từ năm 2: 300,000 VNĐ	Năm 1: Miễn phí. Từ năm 2: 300,000 VNĐ	Thẻ chính :200,000 VNĐ
		Thẻ phụ Năm 1: Miễn phí. Từ năm 2: 300,000 VNĐ		Thẻ phụ: 100,000 VNĐ
3	Phí thay thế thẻ theo yêu cầu (không bao gồm trường hợp thay thế khi thẻ thất lạc, mất cắp)	100,000 VNĐ		
	Phí thay thế thẻ (thất lạc hoặc mất cắp)	200,000 VNĐ		
	Phí cấp lại thẻ nhanh	Áp dụng mục 1		
4	Phí cấp lại số PIN/Epin	Miễn phí		
5	Phí khiếu nại (nếu chủ thẻ sai)	100,000 VNĐ/giao dịch		
6	Phí rút tiền mặt			
	Trong hệ thống Eximbank			
	a. Tại máy ATM	Miễn phí		
	b. Tại quầy giao dịch Eximbank	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với khách hàng cá nhân - Giao dịch rút tiền từ tài khoản	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với khách hàng Doanh Nghiệp - Giao dịch rút tiền từ tài khoản	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với khách hàng cá nhân - Giao dịch rút tiền từ tài khoản
	Ngoài hệ thống Eximbank	4%/số tiền giao dịch, tối thiểu 80,000 VNĐ		
7	Phí gửi sao kê			
	- Định kỳ	Miễn phí		
	- Cấp lại sao kê của 3 kỳ gần nhất	Miễn phí		
	- Ngoài thời hạn	3,000 VNĐ/trang, tối thiểu 10,000 VNĐ		
8	Phí cấp bản sao chứng từ giao dịch			
	Tại đại lý (ĐVCNT) của Eximbank	90,000 VNĐ/hóa đơn		

STT	LOẠI PHÍ	MỨC PHÍ		
		Visa Platinum Debit	Mastercard Business Debit	Các thẻ còn lại
	Tại đại lý khác	90,000 VNĐ/hóa đơn		
9	Phí xác nhận sử dụng thẻ và số dư thẻ	100,000 VNĐ		
10	Phí khác (nếu có)			
	- Phí chuyển đổi tiền tệ (****)	4%/ số tiền giao dịch		
	- Phí xử lý giao dịch bằng VND tại ĐVCNT của Ngân hàng thanh toán có mã quốc gia khác Việt Nam (****)	1.2%/ số tiền giao dịch		
	- Phí đặt hàng, dịch vụ qua thư, fax, Internet	Miễn phí		
11	Lãi suất dư có	Theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Eximbank theo từng thời điểm		
12	Phí thanh toán hóa đơn dịch vụ			
	- Tài khoản đơn vị thụ hưởng cùng hệ thống Eximbank	Miễn phí		
	- Tài khoản đơn vị thụ hưởng ngoài hệ thống Eximbank	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với khách hàng cá nhân – Giao dịch tài khoản đồng Việt Nam	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với khách hàng Doanh nghiệp – Giao dịch tài khoản đồng Việt Nam	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với khách hàng cá nhân – Giao dịch tài khoản đồng Việt Nam
13	Phí quản lý tài khoản (**)	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với khách hàng cá nhân	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với khách hàng Doanh nghiệp	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với khách hàng cá nhân

III. Thẻ tín dụng quốc tế

1. Hạng chuẩn/ vàng:

STT	Loại phí	Chuẩn/ Vàng (***)/ Visa Business
1	Phí phát hành thường	Miễn phí
	Phí phát hành nhanh	150,000 VNĐ
2	Phí thường niên	400,000 VNĐ
3	Phí thay thế thẻ theo yêu cầu (không bao gồm trường hợp thay thế khi thẻ thất lạc, mất cắp)	100,000 VNĐ
	Phí thay thế thẻ (thất lạc hoặc mất cắp)	200,000 VNĐ
	Phí cấp lại thẻ nhanh	Áp dụng theo mức phí phát hành nhanh tương ứng với từng loại thẻ
4	Phí cấp lại số PIN/Epin	Miễn phí
5	Phí khiếu nại (nếu chủ thẻ sai)	80,000 VNĐ
6	Phí rút tiền mặt trong hệ thống Eximbank	Miễn phí
	Phí rút tiền mặt ngoài hệ thống Eximbank	4%/Số tiền giao dịch, tối thiểu 100,000 VNĐ
7	Phí gửi sao kê	
	- Định kỳ	Miễn phí
	- Cấp lại sao kê của 3 kỳ gần nhất	Miễn phí
	- Ngoài thời hạn	3,000 VNĐ/trang, tối thiểu 10,000 VNĐ
8	Phí cấp bản chứng từ giao dịch	
	- Tại ĐVCNT của Eximbank	20,000 VNĐ/hóa đơn
	- Tại đại lý khác	80,000 VNĐ/hóa đơn
9	Phí xác nhận sử dụng thẻ/hạn mức tín dụng	80,000VNĐ/lần xác nhận
10	Lãi suất thẻ	33%/năm
11	Phí trễ hạn	5%/số tiền thanh toán tối thiểu (tối thiểu 100,000 VNĐ)
12	Phí sử dụng vượt hạn mức	15%/năm/số tiền vượt hạn mức
13	Phí thay đổi hạn mức tín dụng	80,000 VNĐ/lần thay đổi
14	Phí khác (nếu có)	
	- Phí chuyển đổi tiền tệ (****)	4%/số tiền giao dịch
	- Phí xử lý giao dịch bằng VND tại ĐVCNT của Ngân hàng thanh toán có mã quốc gia khác Việt Nam (****)	1.2%/số tiền giao dịch
	- Phí đặt hàng, dịch vụ qua thư, fax, Internet	Miễn phí

STT	Loại phí	Chuẩn/ Vàng (***)/ Visa Business
15	Phí thanh toán hóa đơn dịch vụ	
	- Tài khoản đơn vị thụ hưởng cùng hệ thống Eximbank	Miễn phí
	- Tài khoản đơn vị thụ hưởng ngoài hệ thống Eximbank	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với KHCN – giao dịch tài khoản đồng Việt Nam
16	Phí chuyển đổi hình thức đảm bảo	50,000 VNĐ
17	Phí chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng trong vòng 6 tháng kể từ tháng phát hành thẻ (*****)	200,000 VNĐ

2. Hạng Platinum:

STT	Loại phí	JCB Platinum Cash Back	Visa Platinum	Visa Platinum Cash Back
1	Phí phát hành thường	Miễn phí	Miễn phí Sản phẩm Visa Platinum ngưng phát hành mới	
	Phí phát hành nhanh	150,000 VNĐ		
2	Phí thường niên	1,200,000 VNĐ		
3	Phí thay thế thẻ theo yêu cầu (không bao gồm trường hợp thay thế khi thẻ thất lạc, mất cắp)	200,000 VNĐ		
	Phí thay thế thẻ (thất lạc hoặc mất cắp)	200,000 VNĐ		
	Phí cấp lại thẻ nhanh	Áp dụng theo mức phí phát hành nhanh tương ứng với từng loại thẻ		
4	Phí cấp lại số PIN/Epin	Miễn phí		
5	Phí khiếu nại (nếu chủ thẻ sai)	80,000 VNĐ		
6	Phí rút tiền mặt trong hệ thống Eximbank	Miễn phí		
	Phí rút tiền mặt ngoài hệ thống Eximbank	4%/Số tiền giao dịch, tối thiểu 100,000 VNĐ		
7	Phí gửi sao kê			
	- Định kỳ	Miễn phí		
	- Cấp lại sao kê của 3 kỳ gần nhất	Miễn phí		
	- Ngoài thời hạn	3,000 VNĐ/trang, tối thiểu 10,000 VNĐ		
8	Phí cấp bản chứng từ giao dịch			
	- Tại ĐVCNT của Eximbank	20,000 VNĐ/hóa đơn		
	- Tại đại lý khác	80,000 VNĐ/hóa đơn		
9	Phí xác nhận sử dụng thẻ/hạn mức tín dụng	80,000VNĐ/lần xác nhận		

STT	Loại phí	JCB Platinum Cash Back	Visa Platinum	Visa Platinum Cash Back
10	Lãi suất thẻ	33%/năm		
11	Phí trễ hạn	5%/số tiền thanh toán tối thiểu (tối thiểu 100,000 VNĐ)		
12	Phí sử dụng vượt hạn mức	15%/năm/số tiền vượt hạn mức		
13	Phí thay đổi hạn mức tín dụng	80,000 VNĐ/lần thay đổi		
14	Phí khác (nếu có)			
	- Phí chuyển đổi tiền tệ (****)	4%/số tiền giao dịch		
	- Phí xử lý giao dịch bằng VND tại ĐVCNT của Ngân hàng thanh toán có mã quốc gia khác Việt Nam(****)	1.2%/số tiền giao dịch		
	- Phí đặt hàng, dịch vụ qua thư, fax, Internet	Miễn phí		
15	Phí thanh toán hóa đơn dịch vụ			
	- Tài khoản đơn vị thụ hưởng cùng hệ thống Eximbank	Miễn phí		
	- Tài khoản đơn vị thụ hưởng ngoài hệ thống Eximbank	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với KHCN – giao dịch tài khoản đồng Việt Nam		
16	Phí chuyển đổi hình thức đảm bảo	50,000 VNĐ		
17	Phí chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng trong vòng 6 tháng kể từ tháng phát hành thẻ (*****)	200,000 VNĐ		

3. Hạng World/ Signature/Ultimate

STT	Loại phí	Mastercard One World	Mastercard Business World	Priority Visa Signature	JCB Ultimate
1	Phí phát hành thường	Miễn phí	Miễn phí		Miễn phí
	Phí phát hành nhanh				150,000 VNĐ
2	Phí thường niên	1,500,000 VNĐ	800,000 VNĐ	Năm 1: Miễn Phí Từ năm 2: 2,000,000 VNĐ	
3	Phí thay thế thẻ theo yêu cầu (không bao gồm trường hợp thay thế khi thẻ thất lạc, mất cắp)	200,000 VNĐ			
	Phí thay thế thẻ (thất lạc hoặc mất cắp)	200,000 VNĐ			
	Phí cấp lại thẻ nhanh	Áp dụng theo mức phí phát hành nhanh tương ứng với từng loại thẻ			
4	Phí cấp lại số PIN/Epin	Miễn phí			
5	Phí khiếu nại (nếu chủ thẻ sai)	80,000 VNĐ			

STT	Loại phí	Mastercard One World	Mastercard Business World	Priority Visa Signature	JCB Ultimate
6	Phí rút tiền mặt trong hệ thống Eximbank	Miễn phí			
	Phí rút tiền mặt ngoài hệ thống Eximbank	4%/Số tiền giao dịch, tối thiểu 100,000 VNĐ			
7	Phí gửi sao kê				
	- Định kỳ	Miễn phí			
	- Cấp lại sao kê của 3 kỳ gần nhất	Miễn phí			
	- Ngoài thời hạn	3,000 VNĐ/trang, tối thiểu 10,000 VNĐ		Miễn phí	3,000 VNĐ/trang, tối thiểu 10,000 VNĐ
8	Phí cấp bản chứng từ giao dịch				
	- Tại ĐVCNT của Eximbank	20,000 VNĐ/hóa đơn			
	- Tại đại lý khác	80,000 VNĐ/hóa đơn			
9	Phí xác nhận sử dụng thẻ/hạn mức tín dụng	80,000 VNĐ/lần xác nhận			
10	Lãi suất thẻ	33%/năm			
11	Phí trễ hạn	5%/số tiền thanh toán tối thiểu (tối thiểu 100,000 VNĐ)			
12	Phí sử dụng vượt hạn mức	15%/năm/số tiền vượt hạn mức			
13	Phí thay đổi hạn mức tín dụng	80,000 VNĐ/lần thay đổi			
14	Phí khác (nếu có)				
	- Phí chuyển đổi tiền tệ (****)	4%/số tiền giao dịch			
	- Phí xử lý giao dịch bằng VND tại ĐVCNT của Ngân hàng thanh toán có mã quốc gia khác Việt Nam (****)	1.2%/số tiền giao dịch			
	- Phí đặt hàng, dịch vụ qua thư, fax, Internet	Miễn phí			
15	Phí thanh toán hóa đơn dịch vụ				
	- Tài khoản đơn vị thụ hưởng cùng hệ thống Eximbank	Miễn phí			
	- Tài khoản đơn vị thụ hưởng ngoài hệ thống Eximbank	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với KHCN – giao dịch tài khoản đồng Việt Nam	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với khách hàng Doanh nghiệp – Giao dịch tài khoản đồng Việt Nam	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với KHCN – giao dịch tài khoản đồng Việt Nam	

STT	Loại phí	Mastercard One World	Mastercard Business World	Priority Visa Signature	JCB Ultimate
16	Phí chuyển đổi hình thức đảm bảo	50,000 VNĐ			
17	Phí chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng trong vòng 6 tháng kể từ tháng phát hành thẻ (*****)	200,000 VNĐ			

IV. Phí dịch vụ SMS Alert:

Loại Thẻ (*****)	Mức Phí
Thẻ tín dụng quốc tế và thẻ ghi nợ quốc tế	33,000 VNĐ/1 quý/1 thẻ/1 số thuê bao

❖ Lưu ý:

- Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và một số trường hợp được đánh dấu (****) không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.
- Eximbank sẽ chuyển đổi tất cả các giao dịch thẻ được thực hiện bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam (VNĐ) theo tỷ giá của Eximbank hoặc Tổ chức Thẻ quốc tế quy định theo từng thời điểm.
- (*) Phí phát hành thường thẻ CHIP nội địa: Miễn phí đối với khách hàng thuộc Combo Năng động, Sành điệu, Chi lương; Khách hàng được phân hạng thuộc nhóm Loyalty, VIP (nếu có) và Combo Tài khoản Thanh toán tham gia chương trình “Sử dụng Combo, miễn phí chuyển tiền Online” và Combo Casa phân hạng Infinite, Platinum, Gold.
- (**) Áp dụng đối với các thẻ ghi nợ quốc tế (hiệu lực từ năm 2020) được kết nối vào tài khoản thanh toán không kỳ hạn.
- (***) Bao gồm các thẻ: Visa/Mastercard chuẩn, Thẻ JCB Young, Visa/Mastercard/JCB vàng, Thẻ Visa Violet, Thẻ Jetstar JCB, Thẻ UEFA Champions League Mastercard, Thẻ Visa Auto Card.
- (*****) Phí chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng trong vòng 06 tháng kể từ tháng phát hành thẻ không áp dụng đối với trường hợp gia hạn khi thẻ đã được sử dụng trên 06 tháng.
- (*****) Miễn phí SMS Alert đối với các dòng thẻ JCB Young Credit, JCB Platinum Travel Cashback, Visa Platinum Cashback, One World Mastercard, Priority Visa Signature, JCB Young Debit, Visa Platinum Debit.